**Bài 23. MỘT SỐ LỆNH LÀM VIỆC VỚI KIỂU DỮ LIỆU DANH SÁCH**

1. **Duyệt danh sách với toán tử in**

* Toán tử in dùng để kiểm tra một phần tử có nằm trong danh sách đã cho không. Kết quả trả lại True (Đúng) hoặc False (Sai).

**<giá trị> in <danh sách>**

* Có thể duyệt nhanh từng phần tử của danh sách bằng toán tử in và lệnh for mà không cần sử dụng lệnh range().

***Vd***: A=[1, 3, 8, 5, 2]

for k in A:

print(k,end=" ")

Kết quả: 1 3 8 5 2

1. **Một số lệnh làm việc với danh sách**

* Lệnh **clear()** xóa toàn bộ một danh sách

***Vd:*** A = [1, 2, 3, 4, 5]

A.clear()

KQ: []

* Lệnh **remove(value)** sẽ xóa phần tử đầu tiên của danh sách có giá trị value. Nếu không có phần tử nào như vậy sẽ báo lỗi.

***Vd:*** A = [1, 2, 3, 4, 5]

A.remove(1)

KQ: [2, 3, 4, 5]

A.remove(10) 🡪 báo lỗi

* Lệnh **insert(index, value)** sẽ chèn giá trị value vào danh sách tại vị trí index và đẩy các phần tử từ vị trí này sang phải.

Nếu k nằm ngoài phạm vi chỉ số của danh sách thì lệnh vẫn có tác dụng: nếu k < 0 thì chèn vào đầu danh sách, nếu k > len() thì chèn vào cuối danh sách.

***Vd1***: A = [1, 2, 6, 10]

A.insert(2, 5)

KQ: [1, 2, 5, 6, 10]

***Vd2:*** A = []

A.insert(-10,1)

A.insert(100,2)

KQ: [1, 2]